

BẢN SAO

CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN HỢP THỰC PHẨM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2014
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN HỢP THỰC PHẨM

Địa chỉ: Số 267 đường Quang Trung, phường Quang Trung, quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	3-4
Báo cáo Kiểm toán độc lập	5-6
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán	7-9
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	10
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	12-21

CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN HỢP THỰC PHẨM

Địa chỉ: Số 267 đường Quang Trung, phường Quang Trung, quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Liên hợp thực phẩm (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này kèm theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Liên hợp thực phẩm là công ty cổ phần, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0303000235 đăng ký lần đầu ngày 15 tháng 01 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Tây cấp, thay đổi đăng ký kinh doanh lần thứ sáu (6) theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 29 tháng 10 năm 2010.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty

- Công nghiệp bia, nước giải khát, rượu, bánh, mứt các loại;
- Chế biến kinh doanh thực phẩm chất lượng cao từ các nông sản;
- Dịch vụ ăn uống, phục vụ hội nghị;
- Bán buôn, bán lẻ hàng hóa thực phẩm và công nghệ thực phẩm.

Trụ sở chính Công ty

Trụ sở Công ty: Số 267 đường Quang Trung, phường Quang Trung, quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ

Vốn điều lệ hiện nay của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 60.000.000.000 đồng.

Cơ cấu vốn điều lệ:

Stt	Cổ đông	Số cổ phần	Số tiền tương ứng	Tỷ lệ/Vốn điều lệ
1	Tổng Công ty kinh doanh vốn Nhà nước	965.950	9.659.500.000	77,69%
2	Nguyễn Thị Phượng	17.000	170.000.000	1,37%
3	Đào Tiến Xuân	14.500	145.000.000	1,17%
4	Đỗ Xuân Thắng	14.000	140.000.000	1,13%
5	Nguyễn Thị Chung	12.150	121.500.000	0,98%
6	Lưu Xuân Hải	11.350	113.500.000	0,91%
7	Các cổ đông sáng lập khác	208.460	2.084.600.000	16,77%
	Cộng	1.243.410	12.434.100.000	100%

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị

Ông Trần Văn Công	Chủ tịch
Ông Đỗ Thành Duy	Phó Chủ tịch
Ông Hoàng Tuấn Anh	Ủy viên
Ông Nguyễn Tuấn Tú	Ủy viên
Bà Nguyễn Hồng Minh	Ủy viên

CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN HỢP THỰC PHẨM

Địa chỉ: Số 267 đường Quang Trung, phường Quang Trung, quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Nguyễn Tuấn Tú	Giám đốc
Ông Lưu Xuân Hải	Phó Giám đốc
Bà Dương Thị Phong	Kế toán trưởng

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tư vấn Hà Nội (HanoiAC) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

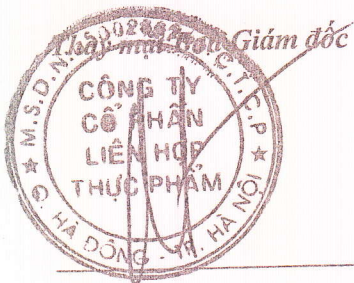
CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.



Nguyễn Tuấn Tú

Giám đốc

Hà Nội, ngày 02 tháng 1 năm 2015

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

*Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014
của Công ty Cổ phần Liên hợp thực phẩm*

**Kính gửi: CỘ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN HỢP THỰC PHẨM**

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tư vấn Hà Nội (HanoiAC) đã tiến hành kiểm toán Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 cùng Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và bản Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Liên hợp thực phẩm ("Công ty") được trình bày từ trang 07 đến trang 21.

Trách nhiệm của Ban giám đốc

Ban giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ các yêu cầu về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Liên hợp thực phẩm tại ngày 31/12/2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Không nhằm phủ nhận ý kiến trên mà chỉ muốn lưu ý người đọc báo cáo tài chính rằng :

Như đã trình bày tại phần Thuyết minh Báo cáo tài chính số V.02, tại ngày 31/12/2014 Công ty đang cho Công ty Cổ phần Bông Sen Vàng vay với tổng số tiền là 18.600.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng ngắn hạn. Theo đó, số tiền lãi dự thu năm 2014 là 1.320.083.333 đồng (tương ứng với lãi suất 7,1%/năm), số tiền lãi còn phải thu lũy kế đến thời điểm 31/12/2014 là 10.239.544.778 đồng.

Ngoài ra khoản cho vay này tồn tại rủi ro sau: Khoản cho vay đối với Công ty Cổ phần Bông Sen Vàng được đảm bảo bằng cổ phần của Công ty Cổ phần Bông Sen Vàng đang sở hữu tại Công ty Cổ phần Liên hợp thực

phẩm. Cổ phiếu của Công ty Cổ Liên hợp thực phẩm chưa được công bố trên thị trường, giá trị thực tế của Công ty Cổ Liên hợp thực phẩm cũng chưa được định giá bởi các tổ chức định giá độc lập theo quy định.



Lê Việt Dũng
Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0894-2013-158-1

Triệu Văn Giáp
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2273-2013-158-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ DỊCH VỤ TƯ VẤN HÀ NỘI (BẢN CHÍNH)

Hà Nội, ngày 03 tháng 3 năm 2015

Ngày: 14-07-2015

Số CT:.....Quyển số:.....SCT/B

PHỔ CHỨC CHUBND PHƯƠNG HÀ CẦU



Nguyễn Hữu Vĩnh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		43.259.796.024	63.996.602.116
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		8.079.865.100	3.671.262.601
1. Tiền	111	V.01	8.079.865.100	3.671.262.601
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	18.600.000.000	37.100.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		18.600.000.000	37.100.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		12.393.845.603	17.582.957.722
1. Phải thu khách hàng	131		2.114.639.606	2.899.847.820
2. Trả trước cho người bán	132		65.941.019	235.614.923
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.03	10.241.814.978	14.447.494.979
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(28.550.000)	-
IV. Hàng tồn kho	140		3.434.608.921	4.397.151.895
1. Hàng tồn kho	141	V.04	3.434.608.921	4.397.151.895
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		751.476.400	1.245.229.898
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	28.841.819
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	V.05	-	474.911.679
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		751.476.400	741.476.400
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		36.947.126.629	13.198.941.731
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		4.489.344.700	5.136.803.577
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	4.249.788.672	4.870.389.545
- Nguyên giá	222		38.079.116.700	38.079.116.700
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(33.829.328.028)	(33.208.727.155)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	239.556.028	266.414.032
- Nguyên giá	228		268.580.000	268.580.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(29.023.972)	(2.165.968)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		32.298.500.000	7.598.500.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		24.700.000.000	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	7.598.500.000	7.598.500.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		159.281.929	463.638.154
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	159.281.929	463.638.154
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		80.206.922.653	77.195.543.847

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014
 (Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		9.687.671.420	7.270.416.471
I. Nợ ngắn hạn	310		4.711.952.768	2.285.297.819
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả người bán	312		2.007.883	225.883
3. Người mua trả tiền trước	313		848.356.229	6.245.685
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	1.290.605.410	424.143.398
5. Phải trả người lao động	315		1.084.826.200	829.791.527
6. Chi phí phải trả	316	V.17	485.100.000	483.100.000
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	635.344.861	541.459.512
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		365.712.185	331.814
II. Nợ dài hạn	330		4.975.718.652	4.985.118.652
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		4.975.718.652	4.985.118.652
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		70.519.251.233	69.925.127.376
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	70.519.251.233	69.925.127.376
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		59.970.400.000	59.970.400.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		8.556.300.000	8.556.300.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		228.385.471	105.592.014
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		1.764.165.762	1.292.835.362
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		80.206.922.653	77.195.543.847

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

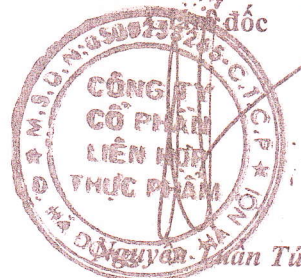
CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
		Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		200.000.000	-
USD			
EUR		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Ghi chú: Các chỉ tiêu có số liệu âm được ghi trong ngoặc đơn ()

Kế toán trưởng

Dương Thị Phong

Hà Nội, ngày 03 tháng 3 năm 2015



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2014

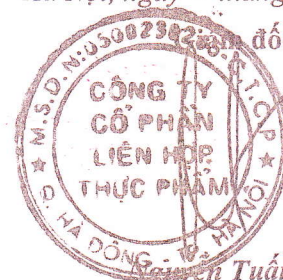
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	40.410.342.864	35.005.832.488
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	11.676.094.974	9.916.813.203
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.03	28.734.247.890	25.089.019.285
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.04	21.882.216.416	21.036.209.488
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		6.852.031.474	4.052.809.797
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.05	1.838.811.838	3.417.993.579
7. Chi phí tài chính	22		-	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		984.288.112	963.250.073
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		5.963.669.659	5.071.082.135
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.742.885.541	1.436.471.168
11. Thu nhập khác	31		245.049.164	106.045.453
12. Chi phí khác	32		-	273.241
13. Lợi nhuận khác	40		245.049.164	105.772.212
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.987.934.705	1.542.243.380
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.07	413.265.535	328.572.095
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		1.574.669.170	1.213.671.285

Kế toán trưởng

Dương Thị Phong

Hà Nội, ngày 03 tháng 3 năm 2015



Nguyễn Tuấn Tú

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Năm 2014

Đơn vị tính: VND

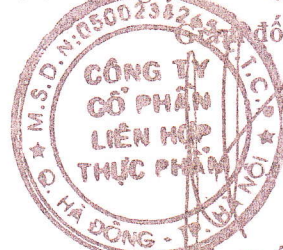
CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	45.549.839.578	37.213.472.950
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(16.943.809.392)	(16.814.667.863)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(7.218.867.364)	(6.393.308.200)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	-	-
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(339.804.694)	(385.006.437)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	3.788.060.256	3.348.220.668
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(20.384.488.332)	(16.511.748.253)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	4.450.930.052	456.962.865
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(42.327.553)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	-	269.646.579
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(42.327.553)	269.646.579
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	-
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	4.408.602.499	726.609.444
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	3.671.262.601	2.944.653.157
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	8.079.865.100	3.671.262.601

Kế toán trưởng



Dương Thị Phong

Hà Nội, ngày 03 tháng 3 năm 2015



Nguyễn Tuấn Tú

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. **Hình thức sở hữu**
Là Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh**
Sản xuất bia.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Kỳ kế toán**
Kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**
Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng hình thức nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. **Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**
Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển được ghi nhận theo nguyên tắc:
 - Tiền mặt: căn cứ vào các phiếu thu, phiếu chi tiền mặt.
 - Tiền gửi ngân hàng: căn cứ vào giấy báo Nợ và báo Có của Ngân hàng kết hợp với sổ phụ hoặc bản xác nhận số dư của các ngân hàng tại từng thời điểm.
02. **Các khoản phải thu thương mại, các khoản phải thu khác**
Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu - VAS 14 về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
Các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ đã được xem xét, phê duyệt.
03. **Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**
Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền theo tháng.
Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Công ty không có hàng tồn kho cần trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

04. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Khấu hao TSCĐ hữu hình, vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013.

05. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc; các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nêu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 01 năm hoặc trong 01 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 01 năm hoặc hơn 01 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

06. Phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản nợ phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận theo nghĩa vụ thực tế phát sinh.

07. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

08. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

09. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ hoặc việc áp dụng các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể thay đổi tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

01. Tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt	1.064.348.269	471.487.234
- Tiền gửi ngân hàng	7.015.516.831	3.199.775.367
- Tiền đang chuyển	-	-
Cộng	<u>8.079.865.100</u>	<u>3.671.262.601</u>

02. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
+ Công ty Cổ phần Vận tải dầu khí Việt Nam	-	18.500.000.000
+ Công ty Cổ phần Bông Sen Vàng (*)	18.600.000.000	18.600.000.000
Cộng	<u>18.600.000.000</u>	<u>37.100.000.000</u>

Ghi chú:

(*): Cho Công ty Cổ phần Bông Sen Vàng vay theo Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 2009-01/BSV-LHTP ngày 26 tháng 12 năm 2009, số tiền vay tối đa 18.600.000.000 đồng.

Theo đó hợp đồng cho vay vốn lưu động trên có một số nội dung chính:

- Không xác định thời hạn cho vay, việc thu hồi vốn tùy thuộc vào nhu cầu sử dụng vốn của Công ty.

- Lãi suất cho vay bằng lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng, được điều chỉnh 03 tháng/lần khi có sự thay đổi về lãi suất trên thị trường.

- Khoản vay được Công ty Cổ phần Bông Sen Vàng thế chấp bằng 2.098.520 cổ phần Công ty Cổ phần Liên hợp thực phẩm mà Công ty Cổ phần Bông Sen Vàng đang nắm giữ.

- Lãi vay được trả khi kết thúc hợp đồng.

03. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Phải thu khác	10.241.814.978	14.447.494.979
+ Công ty Cổ phần Vận tải dầu khí Việt Nam	-	5.525.763.334
+ Công ty Cổ phần Bông Sen Vàng (*)	10.239.544.778	8.919.461.445
+ Tổ tiêu thụ số 1	1.200.000	-
+ Khác	1.070.200	2.270.200
Cộng	<u>10.241.814.978</u>	<u>14.447.494.979</u>

Ghi chú:

(*): Lãi vay phải thu theo Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 2009-01/BSV-LHTP ngày 26/12/2009

04. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Nguyên liệu, vật liệu	297.907.831	1.241.452.045
- Công cụ, dụng cụ	577.534.940	1.103.011.695
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.029.451.170	2.052.688.155
- Hàng gửi đi bán	529.714.980	-
Cộng	<u>3.434.608.921</u>	<u>4.397.151.895</u>

05. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Thuế GTGT đầu ra nộp thừa	-	119.415.179
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất nộp thừa	-	355.496.500
	-	<u>474.911.679</u>

Cộng

08. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình - Phụ lục 01

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Đề án bảo vệ môi trường	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ vô hình			
Số dư đầu năm	268.580.000	-	268.580.000
- Mua trong năm	-	-	-
- Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp	-	-	-
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
Số dư cuối năm	268.580.000	-	268.580.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	2.165.968	-	2.165.968
- Khấu hao trong năm	26.858.004	-	26.858.004
- Tăng khác	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
Số dư cuối năm	29.023.972	-	29.023.972
Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình			
- Tại ngày đầu năm	266.414.032	-	266.414.032
- Tại ngày cuối năm	239.556.028	-	239.556.028

13. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Hà Tây	7.598.500.000	7.598.500.000
	<u>7.598.500.000</u>	<u>7.598.500.000</u>

Cộng

14. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Bom Inox	142.576.899	339.574.361
- Tủ Bảo quản	3.172.030	97.237.780
- Công cụ, dụng cụ khác	13.533.000	26.826.013
Cộng	<u>159.281.929</u>	<u>463.638.154</u>

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Thuế giá trị gia tăng bán ra trong nước	687.395.861	-
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	368.136.972	283.692.604
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	226.072.577	140.150.794
- Thuế thu nhập cá nhân	9.000.000	300.000
Cộng	<u>1.290.605.410</u>	<u>424.143.398</u>

17. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Chi phí sửa chữa TSCĐ	485.100.000	483.100.000
Cộng	<u>485.100.000</u>	<u>483.100.000</u>

18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tài sản thừa chờ giải quyết	28.369.901	28.369.901
- Kinh phí công đoàn	79.059.997	31.022.191
- Bảo hiểm xã hội	250.946.963	466.101.420
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	51.150.000	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	225.818.000	15.966.000
+ Phạm Quỳnh Trang	15.966.000	15.966.000
+ Cổ tức phải trả Công ty Cổ phần Bông Sen Vàng	209.852.000	-
Cộng	<u>635.344.861</u>	<u>541.459.512</u>

22. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	59.970.400.000	8.556.300.000	105.592.014	79.164.077	68.711.456.091
Tăng vốn năm trước	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	1.213.671.285	1.213.671.285
Tăng khác	-	-	-	-	-
Giảm vốn năm trước	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư đầu năm nay	59.970.400.000	8.556.300.000	105.592.014	1.292.835.362	69.925.127.376
Trích quỹ trong năm	-	-	122.793.457	(122.793.457)	-
Lãi trong năm	-	-	-	1.574.669.170	1.574.669.170
Tăng khác	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	(980.545.313)	(980.545.313)
Số dư cuối năm nay	59.970.400.000	8.556.300.000	228.385.471	1.764.165.762	70.519.251.233

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Vốn góp của Nhà nước	-	-
- Vốn góp của các đối tượng khác	59.970.400.000	59.970.400.000
Cộng	59.970.400.000	59.970.400.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	59.970.400.000	59.970.400.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	59.970.400.000	59.970.400.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia		

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 01)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Trong đó:</i>		
- Doanh thu bán hàng hóa	33.125.211.510	28.049.529.317
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.745.570.907	2.878.440.447
- Doanh thu vận chuyển	4.539.560.447	4.077.862.724
Cộng	<u>40.410.342.864</u>	<u>35.005.832.488</u>

02. Các khoản giảm trừ doanh thu (Mã số 02)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Trong đó:</i>		
- Chiết khấu thương mại	951.523.309	872.298.336
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	10.724.571.665	9.044.514.867
Cộng	<u>11.676.094.974</u>	<u>9.916.813.203</u>

03. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 10)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Trong đó:</i>		
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	21.449.116.536	18.132.716.114
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	2.745.570.907	2.878.440.447
- Doanh thu vận chuyển	4.539.560.447	4.077.862.724
Cộng	<u>28.734.247.890</u>	<u>25.089.019.285</u>

04. Giá vốn hàng bán (Mã số 11)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Trong đó:</i>		
- Giá vốn thành phẩm	20.866.845.168	20.607.699.284
- Giá vốn dịch vụ	899.382.548	276.563.104
- Giá vốn dịch vụ vận chuyển	115.988.700	151.947.100
Cộng	<u>21.882.216.416</u>	<u>21.036.209.488</u>

05. Doanh thu hoạt động tài chính (Mã số 21)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Trong đó:</i>		
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.610.856.838	3.190.038.579
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	227.955.000	227.955.000
Cộng	<u>1.838.811.838</u>	<u>3.417.993.579</u>

07. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (Mã số 51)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	413.265.535	328.572.095
- Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>413.265.535</u>	<u>328.572.095</u>

VII. THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên liên quan

Bên liên quan	Giao dịch	Nợ vay đến 31/12/2014
Công ty Cổ phần Bông Sen Vàng	Cho vay vốn	18.600.000.000

2. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

3. Thông tin so sánh

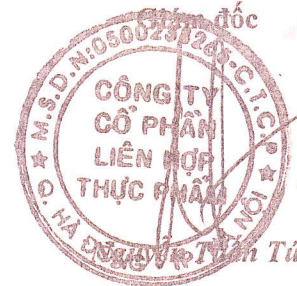
Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tư vấn Hà Nội (HanoiAC).

Hà Nội, ngày 03 tháng 3 năm 2015

Kế toán trưởng



Dương Thị Phong



CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN HỢP THỰC PHẨM

Địa chỉ: 267 đường Quang Trung, phường Quang Trung, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

08. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình - Phụ lục 01

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình	7.226.878.826	29.083.205.275	1.769.032.598	-	38.079.116.700
Số dư đầu năm	-	-	-	-	-
- Mua trong năm	-	-	-	-	-
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	7.226.878.826	29.083.205.275	1.769.032.598	-	38.079.116.700
Giá trị hao mòn lũy kế	5.811.536.967	26.383.603.323	1.013.586.864	-	33.208.727.155
Số dư đầu năm	255.400.541	168.270.228	196.930.104	-	620.600.873
- Hào hao trong năm	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	6.066.937.508	26.551.873.551	1.210.516.968	-	33.829.328.028
Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình	1.415.341.859	2.699.601.952	755.445.734	-	4.870.389.545
1. Tại ngày đầu năm	1.159.941.318	2.531.331.724	558.515.630	-	4.249.788.672
2. Tại ngày cuối năm					